

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HSST
Ngày: 12-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A

- Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Công M – Giáo viên, Tổng phụ trách đội Trường Trung học cơ sở Nh, thị xã A

2/ Ông Nguyễn Văn Th – Giáo viên hưu trí phường B, thị xã A.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình D – Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng L – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2019/HSST ngày 21 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-HS ngày 22/8/2019, đối với bị cáo:

Họ và tên bị cáo: Nguyễn Văn V sinh ngày 02/10/2001 tại thị xã A, tỉnh B; nơi cư trú: Số nhà 137 Trường Th, khu vực H, phường Nh, thị xã A, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T sinh năm 1978 và bà Trịnh Thị Nữ H sinh năm 1979; vợ, con: Không; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 01/7/2019 đến nay. Bị cáo có mặt.

1. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978, bà Trịnh Thị Nữ H sinh năm 1979; cùng cư trú: Số nhà 137 Trường Th, khu vực H, phường Nh, thị xã A, tỉnh B, là cha mẹ bị cáo Nguyễn Văn V, có mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Vinh: Ông Quách Hồng C – Trợ giúp viên pháp lý – Công tác tại Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 02 thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B, có mặt.

3. Người bị hại:

Chị Nguyễn Thị Tr sinh năm 1970; nơi cư trú: Số nhà 139 Trường Th, khu vực H, phường Nh, thị xã A, tỉnh B, có mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Chị Trương Thị Hồng H sinh năm 1962; nơi cư trú: Số nhà 297 Ngô Gia T, phường B, thị xã A, tỉnh B, có mặt.

4.2. Chị Văn Thị Xuân Ng sinh năm 1974; nơi cư trú: Số nhà 274 Ngô Gia T, phường B, thị xã A, tỉnh B, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đề có tiền tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ ngày 30/12/2018 đến ngày 04/5/2019, Nguyễn Văn V đã nhiều lần lén lút đột nhập vào nhà chị Nguyễn Thị Tr ở khu vực H, phường Nh, thị xã A, tỉnh B để trộm cắp tài sản. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Chiều ngày 30/12/2018, thấy cửa nhà chị Tr không khóa, bị cáo đột nhập vào nhà tìm kiếm tài sản và phát hiện có 01 chìa khóa bỏ trong chiếc giỏ, bị cáo lấy chìa khóa mở tủ thấy 01 hộp bánh bên trong có 11.500.000đ

Vụ thứ hai: Khoảng 13 giờ ngày 20/4/2019, bị cáo quan sát thấy cổng cửa chính nhà chị Tr không khóa lên vào nhà đến phòng ngủ lấy 01 bịch ni lông màu trắng bên trong có 01 dây chuyền 1,8 chỉ vàng 18k, 01 mặt dây chuyền hình tròn vàng 18k, 01 chiếc lắc 1,5 chỉ vàng 18k, 02 chiếc nhẫn tân gô, mỗi chiếc trọng lượng 01 chỉ vàng 18k. V bán 01 chiếc lắc và 01 nhẫn vàng 18k bán tại tiệm vàng Hạnh Phúc 4.000.000đ và bán cho tiệm vàng Thanh Phương 01 dây chuyền vàng và 01 chiếc nhẫn vàng được 3.500.000đ.

Vụ thứ ba: Khoảng 13 giờ ngày 04/5/2019, bị cáo trèo qua hàng rào đột nhập vào nhà chị Trang thông qua lối thông gió ở cửa hông bên phải ngôi nhà. Bị cáo lục tìm kiếm nhưng không phát hiện tài sản.

Ngày 28/6/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã A kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 1,8 chỉ dạng mắt xích, mặt dây chuyền hình tròn vàng 18k có viên đá màu trắng ở giữa, trị giá 4.320.000đ; 01 lắc tay nữ vàng 18k trọng lượng 1,5 chỉ dạng bảng vuông nối liền, trị giá 3.600.000đ; 01 nhẫn tân gô vàng 18k trọng lượng 01 chỉ có đánh viên đá hình chữ nhật màu vàng nhạt, trị giá 2.400.000đ; 01 nhẫn tân gô vàng 18k trọng lượng 01 chỉ có đính nhiều viên đá màu trắng, trị giá 2.400.000đ. Tổng cộng 12.720.000đ. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của chị Tr là 24.220.000đ.

Đối với chị Văn Thị Xuân Ng, chị Trương Thị Hồng H là người đã mua số vàng do bị cáo Nguyễn Văn V bán, nhưng hai chị không biết đây là tài sản mà bị cáo V trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là đúng pháp luật.

Gia đình bị cáo đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị Tr toàn bộ giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt 24.220.000đ và chị Tr có đơn yêu cầu bãi nại về trách nhiệm dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 36/QĐ-KSĐT ngày 19/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, r, s Khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 100 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Tại phiên Tòa bị cáo Nguyễn Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, tỏ thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải

Trợ giúp viên pháp lý thống nhất bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố, đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là phù hợp và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 100 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa không khiếu nại về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên. Như vậy, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Ngày 05/5/2019, chị Nguyễn Thị Tr có đơn trình báo công an phường Nh về việc bị kẻ gian đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản. Ngày 06/5/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A mời Nguyễn Văn V đến làm việc và V đã khai nhận: Nhà bị cáo và nhà chị Tr sát vách nhau nên khoảng 13 giờ ngày 04/5/2019, bị cáo phát hiện nhà chị Tr không người trong coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo trèo qua hàng rào sắt đột nhập vào nhà chị Tr thông qua lỗ thông gió ở cửa hông bên phải ngôi nhà lục tìm kiếm tài sản nhưng không phát hiện được gì. Ngoài ra, bị cáo tự khai nhận trong hai ngày 30/12/2018, ngày 20/4/2019, bị cáo đột nhập vào nhà chị Tr lấy 11.500.000đ, 01 sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 1,8 chỉ dạng mắt

xích, mặt dây chuyền hình tròn vàng 18k có viên đá màu trắng ở giữa; 01 lắc tay nữ vàng 18k trọng lượng 1,5 chỉ dạng bảng vuông nổi liền; 01 nhẫn tâm gô vàng 18k trọng lượng 01 chỉ có đánh viên đá hình chữ nhật màu vàng nhạt; 01 nhẫn tâm gô vàng 18k trọng lượng 01 chỉ có đính nhiều viên đá màu trắng. Ngày 28/6/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A kết luận số tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 12.720.000đ. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của chị Tr là 24.220.000đ. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với đơn trình báo, lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ khẳng định hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường 24.220.000đ cho chị Trang; bị cáo đã tự thú về hành vi trộm cắp tài sản của nhà chị Tr; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Ngoài ra, bị hại có đơn yêu cầu bãi nại trách nhiệm hình sự cho bị cáo và tại phiên tòa bị hại đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã hai lần đột nhập vào nhà chị Trang để trộm cắp tài sản, nên bị cáo hưởng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội ở thời điểm dưới 18 tuổi nên áp dụng những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và vừa tốt nghiệp Trung học phổ thông cần tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội tiếp tục học tập để trở thành công dân có ích cho xã hội. Xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài sống xã hội bình thường mà để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe và đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Chị Nguyễn Thị Tr đã được gia đình bị cáo bồi thường 24.220.000đ. Tại phiên tòa, bị hại không có yêu cầu gì chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục học tập.

[6] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, chị Văn Thị Xuân Ng, chị Trương Thị Hồng H thừa nhận là người đã mua số vàng do bị cáo Nguyễn Văn V bán, nhưng hai chị không biết đây là tài sản do bị cáo V trộm cắp mà có. Cơ quan cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có đối với hai chị là đúng pháp luật.

[7] Bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng Khoản 1 Điều 173, các điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 100 Bộ luật hình sự,

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày UBND phường Nh, thị xã A nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn V cho UBND phường Nh, thị xã A, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn V, vì bị cáo là người dưới 18 tuổi.

* Bồi thường thiệt hại: Chị Nguyễn Thị Tr đã được gia đình bị cáo bồi thường 24.220.000đ và tại phiên tòa không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

* Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

* Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B(để b/c);
- VKSND thị xã A;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thái Văn H